TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2020/DS-ST
Ngày: 10 / 7 / 2020
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tôn Phước Thuận;

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 476/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B (sau đây được viết tắt là Ngân hàng B); địa chỉ: Tòa nhà H, số A, đường N, Phường A, Quận A, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Bình H, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ hiện trường; địa chỉ: số B, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định ủy quyền số 73/2019/UQ-PCTT ngày 03/5/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng B; Giấy ủy quyền số 286/2019/UQ-TTQL&THN ngày 12/8/2019 của Giám đốc Trung tâm quản lý và thu hồi nợ); có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng*, vào ngày 28/02/2015, Ngân hàng B - Chi nhánh A và bà Nguyễn Thị Ngọc A ký kết hợp đồng tín dụng số 0042/03215/CBCNV-HĐTD. Theo đó, Ngân hàng cho bà A vay số tiền 85.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng, phục vụ đời sống cá nhân và gia đình; thời hạn vay 48 tháng, kể từ ngày 28/02/2015 đến hết ngày 28/02/2019 với hình thức tín chấp; lãi suất vay trong hạn là 8%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn được tính trên số nợ gốc bị quá hạn và số ngày quá hạn; trả nợ gốc và lãi định kỳ vào ngày 30 hàng tháng; kỳ trả nợ gốc đầu tiên ngày 30/3/2015.

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng đã giải ngân cho bà A theo giấy nhận nợ ngày 28/02/2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà A có trả nợ cho Ngân hàng đến hết ngày 31/3/2016 rồi ngưng không thanh toán tiếp. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn lại sang nợ quá hạn từ ngày 01/5/2016 và tính đến ngày 07/5/2020, bà A trả được nợ gốc 21.252.000 đồng và tiền lãi 7.933.338 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng B yêu cầu bà A trả cho Ngân hàng B số nợ tạm tính đến ngày 07/5/2020 là 108.725.515 đồng; trong đó, nợ gốc 63.748.000 đồng, nợ lãi trong hạn 19.833.345 đồng, nợ lãi quá hạn đối với số nợ gốc 19.270.857 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 5.873.313 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh trên số dư nợ gốc từ ngày 08/5/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0042/03215/CBCNV-HĐTD ngày 28/02/2015 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Hợp đồng tín dụng số 0042/03215/CBCNV-HĐTD ngày 28/02/2015 (bản photo); Giấy nhận nợ ngày 28/02/2015 với bên được cấp tín dụng là Nguyễn Thị Ngọc A (bản photo) và các giấy tờ khác có liên quan.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Đồng thời, yêu cầu bà A trả cho Ngân hàng B số nợ tạm tính đến hết ngày 10/7/2020 là 104.212.156 đồng; trong đó, nợ gốc 63.748.000 đồng, nợ lãi trong hạn 19.833.345 đồng, nợ lãi quá hạn đối với số nợ gốc 20.630.811 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh trên số dư nợ gốc từ ngày 08/5/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0042/03215/CBCNV-HĐTD ngày 28/02/2015 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Đối với lãi phạt chậm trả lãi, Ngân hàng B rút lại, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Việc xác lập hợp đồng tín dụng số 0042/03215/CBCNV-HĐTD ngày 28/02/2015 giữa Ngân hàng B với bà A được tiến hành trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Sau khi vay, tính đến ngày 07/5/2020, bà A trả được nợ gốc 21.252.000 đồng và tiền lãi 7.933.338 đồng rồi ngưng thanh toán.

Cho nên, việc Ngân hàng khởi kiện bà A yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 10/7/2020 với tổng số tiền 104.212.156 đồng, gồm nợ gốc 63.748.000 đồng, tiền lãi trong hạn 19.833.345 đồng, tiền lãi quá hạn đối với số nợ gốc 20.630.811 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng ngày 11/7/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Đối với lãi phạt chậm trả lãi, do Ngân hàng B rút lại, không yêu cầu bà A trả nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện bị rút theo các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B; căn cứ các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện bị rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* *Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc A trả nợ vay. Bà A đang cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của Ngân hàng B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trước khi phiên tòa được mở, bà A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* *Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Hợp đồng tín dụng số 0042/03215/CBCNV-HĐTD ngày 28/02/2015 giữa Ngân hàng B - Chi nhánh A với bà Nguyễn Thị Ngọc A được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở hợp đồng tín dụng số 0042/03215/CBCNV-HĐTD ngày 28/02/2015, bà A được Ngân hàng B giải ngân số tiền 80.000.000 đồng thông qua giấy nhận nợ ngày 28/02/2015. Sau khi vay, bà A có trả nợ cho Ngân hàng đến hết ngày 31/3/2016 rồi ngưng không thanh toán tiếp và tính đến ngày 07/5/2020, đã được được số nợ gốc 21.252.000 đồng và tiền lãi 7.933.338 đồng. Cho nên, bà A còn nợ Ngân hàng B nợ vốn 63.748.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 10/7/2020 là 40.464.156 đồng, trong đó, lãi trong hạn 19.833.345 đồng, tiền lãi quá hạn đối với số nợ gốc 20.630.811 đồng.

Đối với lãi phạt chậm trả lãi, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Ngân hàng B yêu cầu bà A trả khoản lãi này. Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng B tự nguyện rút lại yêu cầu bà A trả lãi phạt chậm trả lãi. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả lãi phạt chậm trả lãi theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Do bà A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu bà A trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B; buộc bà A trả cho Ngân hàng B nợ vốn 63.748.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 10/7/2020 là 40.464.156 đồng, trong đó, lãi trong hạn 19.833.345 đồng, tiền lãi quá hạn đối với số nợ gốc 20.630.811 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 0042/03215/CBCNV-HĐTD ngày 28/02/2015 kể từ ngày 11/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng B là 5.210.608 đồng.

Ngân hàng Bản V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí 2.526.000 đồng mà Ngân hàng B đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc A trả lãi phạt chậm trả lãi theo đơn khởi kiện.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B nợ vốn và lãi của khoản vay như sau:

- Tiền lãi tính đến hết ngày 10/7/2020: *40.464.156 (bốn mươi triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn, một trăm năm mươi sáu) đồng*, trong đó, lãi trong hạn *19.833.345 (mười chín triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm bốn mươi lăm) đồng*, tiền lãi quá hạn đối với số nợ gốc *20.630.811 (hai mươi triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, tám trăm mười một) đồng*;

- Vốn gốc: *63.748.000 (sáu mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn) đồng* và tiền lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0042/03215/CBCNV-HĐTD ngày 28/02/2015 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh A và bà Nguyễn Thị Ngọc A kể từ ngày 11/7/2020 cho đến khi thanh toán xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu *5.210.608 (năm triệu, hai trăm mười nghìn, sáu trăm lẻ tám) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp *2.526.000 (hai triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0007791 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc A được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Chí Bình